

Số: 105 /QĐ-TTGDQPAN

Bình Định, ngày 30 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh
Khóa 35, năm học 2023-2024 cho sinh viên trình độ cao đẳng liên thông của
Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn**

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 1047/QĐ-BGDDT, ngày 26 /3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 2861/QĐ-BQP, ngày 24/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc điều chỉnh, bổ sung danh sách liên kết giáo dục quốc phòng và an ninh;

Căn cứ Thông tư số 10/2018/TT-BLĐT BXH, ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BLĐT BXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-TTGDQPAN, ngày 17/12/2021 của Giám đốc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn ban hành Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;

Căn cứ kết luận của Chủ tịch Hội đồng xét công nhận kết quả học tập môn học, cấp Chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên Khóa 35, tại phiên họp ngày 30/7/2024;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo & Quản lý sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh Khóa 35, năm học 2023-2024 cho 86 sinh viên đào tạo trình độ cao đẳng liên thông (có danh sách kèm theo) của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn.

Điều 2. Ông (bà) Trưởng Phòng Đào tạo & Quản lý sinh viên, Trưởng các đơn vị và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn;
- Đăng website;
- Lưu: VT, PĐTQLSV.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



TS. Nguyễn Thanh Hùng

DANH SÁCH XÉT KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH - LỚP CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG
KHÓA 35 _ NĂM HỌC 2023-2024

TRƯỜNG LIÊN KẾT: TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ QUY NHƠN
HP: Giáo dục quốc phòng và an ninh 2 (02 tín chỉ_MHP 119005)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 105 /QĐ-TTGDQP AN ngày 30/7/2024 của Giám đốc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	Giới tính	HP	ĐTBCT	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
1	C170001	Nguyễn Đỗ Đạt	27/10/2005	Điện tử công nghiệp	Nam	7,8	7,80	Khá	Đạt	
2	C170002	Trà Đông	05/6/2005	Điện tử công nghiệp	Nam	7,0	7,00	Khá	Đạt	
3	C170003	Trần Huy Hoàng	14/11/2005	Điện tử công nghiệp	Nam	6,7	6,70	Trung bình	Đạt	
4	C170004	Võ Vũ Khang	20/9/2005	Điện tử công nghiệp	Nam	7,7	7,70	Khá	Đạt	
5	C170005	Đinh Trọng Nhân	26/9/2003	Điện tử công nghiệp	Nam	6,5	6,50	Trung bình	Đạt	
6	C170006	Lê Trọng Thắng	09/6/2005	Điện tử công nghiệp	Nam	6,6	6,60	Trung bình	Đạt	
7	C170007	Nguyễn Văn Trọng	11/5/2005	Điện tử công nghiệp	Nam	6,3	6,30	Trung bình	Đạt	
8	C170008	Võ Anh Tú	07/3/2004	Điện tử công nghiệp	Nam	7,8	7,80	Khá	Đạt	
9	C170911	Nguyễn Thành Danh	29/7/2005	Điện tử công nghiệp	Nam	7,4	7,40	Khá	Đạt	
10	C170912	Lan Gia Huy	03/10/2004	Điện tử công nghiệp	Nam	6,5	6,50	Trung bình	Đạt	
11	C170913	Diệp Lê Anh Kiệt	16/5/2005	Điện tử công nghiệp	Nam	7,4	7,40	Khá	Đạt	
12	C170914	Ngô Từ Lâm	21/3/2006	Điện tử công nghiệp	Nam	7,1	7,10	Khá	Đạt	
13	C170915	Nguyễn Bảo Long	11/01/2006	Điện tử công nghiệp	Nam	8,0	8,00	Giỏi	Đạt	
14	C170916	Huỳnh Phước Lộc	14/7/2006	Điện tử công nghiệp	Nam	6,7	6,70	Trung bình	Đạt	
15	C170917	Nguyễn Hoài Nam	04/4/2006	Điện tử công nghiệp	Nam	7,7	7,70	Khá	Đạt	
16	C170918	Đặng Xuân Tuệ	17/10/2004	Điện tử công nghiệp	Nam	7,7	7,70	Khá	Đạt	
17	C170919	Võ Quang Tương	17/12/2006	Điện tử công nghiệp	Nam	7,7	7,70	Khá	Đạt	
18	C170920	Mai Nam Thái	17/5/2006	Điện tử công nghiệp	Nam	7,5	7,50	Khá	Đạt	
19	C170009	Lê Hoàng Bình An	14/10/2005	Công nghệ thông tin	Nam	7,3	7,30	Khá	Đạt	
20	C170010	Nguyễn Hùng Bách	26/7/2005	Công nghệ thông tin	Nam	6,9	6,90	Trung bình	Đạt	
21	C170011	Lê Nguyễn Ngọc Đại	16/4/2005	Công nghệ thông tin	Nam	6,8	6,80	Trung bình	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	Giới tính	HP	ĐTBCTC	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
22	C170012	Cao Nguyễn	Hoà	02/8/2004	Công nghệ thông tin	Nam	6,7	6,70	Trung bình	Đạt
23	C170015	Đặng Đức	Hoàng	18/9/2005	Công nghệ thông tin	Nam	6,1	6,10	Trung bình	Đạt
24	C170013	Nguyễn Phát	Thịnh	23/7/2004	Công nghệ thông tin	Nam	5,7	5,70	Trung bình	Đạt
25	C170014	Tô Quốc	Toàn	22/6/2005	Công nghệ thông tin	Nam	7,7	7,70	Khá	Đạt
26	C170077	Trần Thế	Nhân	11/4/2006	Công nghệ thông tin	Nam	7,5	7,50	Khá	Đạt
27	C170083	Nguyễn Thái	Hậu	07/8/2006	Công nghệ thông tin	Nam	7,1	7,10	Khá	Đạt
28	C170078	Hồ Hoàng Hữu	Nghĩa	10/01/2006	Công nghệ thông tin	Nam	7,1	7,10	Khá	Đạt
29	C170080	Phạm Trung	Nguyễn	18/6/2006	Công nghệ thông tin	Nam	7,8	7,80	Khá	Đạt
30	C170081	Nguyễn Minh	Thuận	24/10/2006	Công nghệ thông tin	Nam	7,9	7,90	Khá	Đạt
31	C170082	Trần Châu	Tuấn	20/02/2000	Công nghệ thông tin	Nam	7,7	7,70	Khá	Đạt
32	C170027	Hà Hoàng Bảo	Tuấn	01/10/1997	Chăn nuôi - Thú y	Nam	6,7	6,70	Trung bình	Đạt
33	C170017	Phan Huỳnh	Đức	09/7/1997	Chăn nuôi - Thú y	Nam	7,0	7,00	Khá	Đạt
34	C170020	Phạm Ngọc	Huy	23/9/2002	Chăn nuôi - Thú y	Nam	6,6	6,60	Trung bình	Đạt
35	C170023	Phan Nguyễn Thanh	Tâm	07/10/2002	Chăn nuôi - Thú y	Nam	7,8	7,80	Khá	Đạt
36	C170055	Nguyễn Văn	Tấn	20/8/1998	Chăn nuôi - Thú y	Nam	6,5	6,50	Trung bình	Đạt
37	C170022	Lê Nhất	Phú	16/4/1994	Chăn nuôi - Thú y	Nam	7,0	7,00	Khá	Đạt
38	C170019	Nguyễn Quý	Hùng	14/6/1997	Chăn nuôi - Thú y	Nam	7,3	7,30	Khá	Đạt
39	C170028	Phạm Thanh	Tùng	20/10/2002	Chăn nuôi - Thú y	Nam	7,9	7,90	Khá	Đạt
40	C170079	Nguyễn Thành	Son	20/4/1997	Chăn nuôi - Thú y	Nam	7,5	7,50	Khá	Đạt
41	C170026	Trần Phú	Thịnh	09/5/2002	Chăn nuôi - Thú y	Nam	6,9	6,90	Trung bình	Đạt
42	C170025	Nguyễn Trường	Thành	16/02/2001	Chăn nuôi - Thú y	Nam	6,4	6,40	Trung bình	Đạt
43	C170030	Đoàn Kim	Bảo	31/7/2005	Công nghệ ô tô	Nam	6,1	6,10	Trung bình	Đạt
44	C170031	Nguyễn Tiến	Đạt	01/9/2006	Công nghệ ô tô	Nam	6,3	6,30	Trung bình	Đạt
45	C170032	Lê Quang	Duy	01/6/2006	Công nghệ ô tô	Nam	6,0	6,00	Trung bình	Đạt
46	C170033	Nguyễn Quang	Duy	16/6/2005	Công nghệ ô tô	Nam	7,2	7,20	Khá	Đạt
47	C170034	Nguyễn Minh	Hào	12/01/2006	Công nghệ ô tô	Nam	6,9	6,90	Trung bình	Đạt
48	C170035	Đoàn Chánh	Hậu	02/10/2006	Công nghệ ô tô	Nam	7,1	7,10	Khá	Đạt
49	C170036	Nguyễn Minh	Hiếu	26/02/2006	Công nghệ ô tô	Nam	7,2	7,20	Khá	Đạt
50	C170039	Nguyễn Thành	Nhật	21/3/2006	Công nghệ ô tô	Nam	6,9	6,90	Trung bình	Đạt

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	Giới tính	HP	ĐTBCTC	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
51	C170040	Huỳnh Nhật Sang	24/01/2006	Công nghệ ô tô	Nam	5,9	5,90	Trung bình	Đạt	
52	C170041	Bùi Duy Tân	11/12/2006	Công nghệ ô tô	Nam	5,9	5,90	Trung bình	Đạt	
53	C170043	Huỳnh Tuấn Vũ	13/3/2006	Công nghệ ô tô	Nam	7,4	7,40	Khá	Đạt	
54	C170044	Danh Hoàng Vũ	02/3/2006	Công nghệ ô tô	Nam	7,2	7,20	Khá	Đạt	
55	C170045	Phan Xuân Vỹ	12/4/2005	Công nghệ ô tô	Nam	6,8	6,80	Trung bình	Đạt	
56	C170046	Trần Gia Thành	16/11/2006	Công nghệ ô tô	Nam	6,5	6,50	Trung bình	Đạt	
57	C170047	Trần Duy Tài	08/10/2006	Công nghệ ô tô	Nam	5,7	5,70	Trung bình	Đạt	
58	C170048	Nguyễn Văn Phúc	12/10/2006	Công nghệ ô tô	Nam	6,7	6,70	Trung bình	Đạt	
59	C170063	Hồ Minh Chiến	29/8/2006	Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh	Nam	7,1	7,10	Khá	Đạt	
60	C170064	Trần Trung Hậu	28/02/2006	Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh	Nam	6,4	6,40	Trung bình	Đạt	
61	C170065	Nguyễn Văn Khải	17/6/2006	Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh	Nam	6,5	6,50	Trung bình	Đạt	
62	C170066	Nguyễn Tấn Khang	13/5/2006	Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh	Nam	6,7	6,70	Trung bình	Đạt	
63	C170067	Lê Quốc Khoa	19/12/2006	Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh	Nam	6,5	6,50	Trung bình	Đạt	
64	C170068	Nguyễn Nhất	06/5/1998	Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh	Nam	7,1	7,10	Khá	Đạt	
65	C170070	Trần Minh Quang	20/9/2006	Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh	Nam	6,0	6,00	Trung bình	Đạt	
66	C170071	Võ Đình Thái	15/12/2006	Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh	Nam	6,8	6,80	Trung bình	Đạt	
67	C170046	Đặng Quang Cường	11/3/2006	Điện công nghiệp	Nam	6,5	6,50	Trung bình	Đạt	
68	C170072	Lê Duy	28/7/2006	Điện công nghiệp	Nam	5,0	5,00	Trung bình	Đạt	
69	C170047	Nguyễn Quốc Hoàng Duy	10/7/2005	Điện công nghiệp	Nam	5,7	5,70	Trung bình	Đạt	
70	C170048	Nguyễn Quốc Hải	14/11/2005	Điện công nghiệp	Nam	6,7	6,70	Trung bình	Đạt	
71	C170049	Phan Đình Hiệu	01/12/2005	Điện công nghiệp	Nam	7,1	7,10	Khá	Đạt	
72	C170050	Phạm Tấn Hòa	17/10/2004	Điện công nghiệp	Nam	5,4	5,40	Trung bình	Đạt	
73	C170073	Lê Minh Huy	16/12/2006	Điện công nghiệp	Nam	6,5	6,50	Trung bình	Đạt	
74	C170051	Trần Hoàng Khang	31/8/2006	Điện công nghiệp	Nam	6,4	6,40	Trung bình	Đạt	
75	C170052	Nguyễn Dương Quốc Khánh	15/12/2006	Điện công nghiệp	Nam	6,5	6,50	Trung bình	Đạt	
76	C170053	Nguyễn Khuyen	17/10/2006	Điện công nghiệp	Nam	6,9	6,90	Trung bình	Đạt	
77	C170054	Nguyễn Tiến Lên	24/9/2006	Điện công nghiệp	Nam	7,4	7,40	Khá	Đạt	
78	C170087	Nguyễn Đức Nhiên	24/8/2005	Điện công nghiệp	Nam	7,4	7,40	Khá	Đạt	
79	C170058	Thị Thanh Thời	03/10/2006	Điện công nghiệp	Nam	6,5	6,50	Trung bình	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành học	Giới tính	HP	ĐTB	ĐTB	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
80	C170059	Nguyễn Thành	Trung	25/5/2006	Điện công nghiệp	Nam	6,5	6,50	Trung bình	Đạt	
81	C170060	Đỗ Trần Hồng	Tú	27/9/2005	Điện công nghiệp	Nam	6,4	6,40	Trung bình	Đạt	
82	C170061	Phạm Anh	Tuấn	26/11/2006	Điện công nghiệp	Nam	6,7	6,70	Trung bình	Đạt	
83	C170086	Trần Long	Việt	25/9/2006	Điện công nghiệp	Nam	6,7	6,70	Trung bình	Đạt	
84	C170062	Lê Trương	Vỹ	08/6/2006	Điện công nghiệp	Nam	6,9	6,90	Trung bình	Đạt	
85	C170018	Phạm Thị Ngọc	Hiền	08/11/2001	Chăn nuôi - Thú y	Nữ	5,4	5,40	Trung bình	Đạt	
86	C170024	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	20/11/2001	Chăn nuôi - Thú y	Nữ	7,1	7,10	Khả	Đạt	

Số sinh viên đạt: 86; Số sinh viên không đạt: 0

NGƯỜI LẬP BẢNG



CN. Lê Văn Lợi

PHÒNG ĐT&QLSV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



CN. Trần Thế Hưng

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thanh Ngọc

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



TS. Nguyễn Thanh Hùng

